

Tăng tỷ trọng

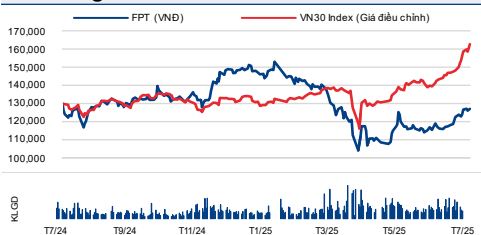
Giá mục tiêu: VNĐ140,600

Tiềm năng tăng/giảm: 10.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/7/2025)	127.000
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	104,207-152,988
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	126,600
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	188,129
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,193
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,481
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	726
Slg CP NN được mua (tr.đv)	107
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	41.8%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	62,849	71,099	81,696
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,044	14,981	17,061
LNTT (tỷ đồng)	11,070	12,887	14,880
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,849	9,042	10,408
FCF (tỷ đồng)	8,428	5,833	8,542
EPS ĐC (đồng)	4,917	5,621	6,470
DPS (đồng)	2,000	2,500	2,500
BVPS (đồng)	20,253	23,286	27,256
T.trưởng EBITDA (%)	21.5	14.9	13.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.47	14.3	15.1
Tăng trưởng DPS (%)	0	25.0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	21.1	20.9
Tỷ suất LNTT (%)	17.6	18.1	18.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.5	12.7	12.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.7	44.5	38.6
Nợ thuần/VCSH (%)	20.8	19.4	12.4
ROAE (%)	28.7	28.2	27.8
ROACE (%)	31.0	29.1	28.9
EV/doanh thu (lần)	3.06	2.73	2.35
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.8	13.0	11.3
P/E ĐC (lần)	25.8	22.6	19.6
P/B (lần)	6.27	5.45	4.66
Lợi suất cổ tức (%)	1.57	1.97	1.97

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp &

nga.ttthu@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Q2/2025: Lợi nhuận thuần tăng 20,5% so với cùng kỳ, sát với dự báo

- Lợi nhuận thuần Q2/2025 của FPT đạt 2.258 tỷ đồng, tăng 20,5% so với cùng kỳ (và 3,9% so với quý trước), sát với dự báo của HSC là 2.230 tỷ đồng. Doanh thu thuần đạt 16.625 tỷ đồng, tăng 9,1% so với cùng kỳ (và 3,5% so với quý trước), cũng gần với dự báo của HSC là 16.800 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2025 đạt 4.432 tỷ đồng, tăng 20,7% so với cùng kỳ, sát với dự báo.
- Mảng Công nghệ chủ chốt tiếp tục tăng chậm lại trong Q2/2025 với doanh thu và LNTT tăng lần lượt 8% và 9% so với cùng kỳ, chủ yếu do doanh thu thị trường châu Á-Thái Bình Dương giảm 11% so với cùng kỳ. Trong khi đó, các mảng Viễn thông và Đầu tư tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận nhờ phân khúc băng thông rộng vững chắc và đóng góp cải thiện từ các công ty liên kết chủ chốt.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với FPT với giá mục tiêu 140.600đ (tiềm năng tăng giá 11%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

FPT vừa công bố KQKD Q2/2025 với kết quả trái chiều nhưng sát với dự báo. Lợi nhuận thuần tăng mạnh 20,5% so với cùng kỳ trong khi doanh thu thuần chỉ tăng 9,1% so với cùng kỳ, tiếp tục xu hướng tăng trưởng lợi nhuận vượt trội so với doanh thu trong các quý gần đây. Chi tiết như sau.

Tăng trưởng doanh thu Q2/2025 bị ảnh hưởng do thị trường châu Á-Thái Bình Dương kém tích cực

FPT ghi nhận doanh thu thuần Q2/2025 đạt 16.625 tỷ đồng, tăng 9,1% so với cùng kỳ (và 3,5% so với quý trước), sát với dự báo của HSC ở mức 16.800 tỷ đồng. Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu thuần đạt 32.683 tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ và đạt 46% dự báo cả năm 2025 của HSC là 71.099 tỷ đồng (tăng trưởng 13,1%). Xét theo mảng kinh doanh:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2025, FPT

FPT ghi nhận KQKD trái chiều với lợi nhuận thuần tăng mạnh bất chấp doanh thu thuần kém tích cực

Tỷ đồng	Q2/25	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	6T25	% sv cùng kỳ	2025F	% 2025 HSCF
Doanh thu	16,625	9.1%	3.5%	32,683	11.4%	71,099	46.0%
CNTT	10,359	7.9%	6.0%	20,128	11.3%	44,820	44.9%
Nước ngoài	8,483	12.0%	3.6%	16,669	14.4%	35,516	46.9%
Trong nước	1,876	-7.6%	18.5%	3,459	-1.3%	9,304	37.2%
Viễn thông	4,775	12.8%	4.2%	9,357	13.5%	20,283	46.1%
Khác	1,491	5.9%	-12.7%	3,198	6.0%	5,995	53.3%
LNTT	3,141	17.9%	3.8%	6,166	18.6%	12,887	47.8%
CNTT	1,418	9.3%	0.1%	2,834	15.6%	6,163	46.0%
Nước ngoài	1,290	9.4%	-7.3%	2,681	16.9%	5,611	47.8%
Trong nước	129	9.3%	416.0%	154	-2.5%	552	27.9%
Viễn thông	1,129	21.0%	16.8%	2,096	19.2%	4,377	47.9%
Khác	594	36.9%	-7.5%	1,236	25.2%	2,347	52.7%
Lợi nhuận thuần	2,258	20.5%	3.9%	4,432	20.7%	9,051	49.0%

Nguồn: FPT, HSC

- Mạng **Công nghệ** chủ chốt của FPT ghi nhận doanh thu tăng nhẹ 7,9% so với cùng kỳ (và 6% so với quý trước) đạt 10,4 nghìn tỷ đồng trong Q2/2025. Cụ thể: doanh thu phân khúc dịch vụ CNTT nước ngoài đạt 8.483 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ còn phân khúc CNTT trong nước đạt 1.876 tỷ đồng, giảm 7,6% so với cùng kỳ (do ảnh hưởng của mức nền cao trong cùng kỳ năm ngoái).

Trong phân khúc Dịch vụ CNTT nước ngoài Q2/2025, thị trường Nhật Bản tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định với doanh thu tại thị trường này đạt 3.807 tỷ đồng, tăng 26,2% so với cùng kỳ, so với mức tăng 30,4% trong Q1/2025. Mặc dù vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đà tăng đã có phần chậm lại trong quý này. Tăng trưởng doanh thu tại thị trường Mỹ và châu Âu ghi nhận sự phục hồi nhẹ, lần lượt tăng 8,7% và 25,7% so với cùng kỳ, so với mức tăng 7,8% và 24,6% trong Q1/2025. Ngược lại, thị trường châu Á-Thái Bình Dương ghi nhận mức tăng trưởng âm 10,9% so với cùng kỳ, đảo chiều so với mức tăng 4,6% trong Q1/2025.

Về xu hướng doanh thu hợp đồng ký mới, dữ liệu Q2/2025 ghi nhận mức giảm 5% so với cùng kỳ và 27% so với quý trước, đạt 8.404 tỷ đồng. Tuy nhiên, xét theo từng tháng, doanh thu hợp đồng ký mới trong tháng 6 tăng 1% so với cùng kỳ và 8% so với tháng trước đạt 2.354 tỷ đồng - cho thấy những tín hiệu phục hồi ban đầu. HSC cho rằng cần tiếp tục theo dõi sát xu hướng này trong các tháng tới để xác định liệu đà phục hồi có thực sự được thiết lập hay không.

- Mạng **Viễn thông** ghi nhận KQKD tích cực trong Q2/2025 với doanh thu đạt 4.775 tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ, được hỗ trợ bởi mức tăng 16,6% của phân khúc băng thông rộng (đạt 2.460 tỷ đồng). Như đã đề cập trong các báo cáo trước đây của HSC, mức tăng trưởng mạnh của phân khúc băng thông rộng đến từ sự gia tăng số lượng thuê bao cùng với mức tăng doanh thu bình quân trên mỗi người dùng. Hai yếu tố này kết hợp đã thúc đẩy tăng trưởng vững chắc cho phân khúc băng thông rộng trong kỳ.
- Doanh thu từ mảng **Giáo dục & Đầu tư** trong Q2/2025 đạt 1.491 tỷ đồng, tăng 5,9% so với cùng kỳ. Trong đó, phân khúc Giáo dục ghi nhận doanh thu 1.707 tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ.

Mảng Viễn thông và Đầu tư dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận thuần

Bất chấp doanh thu tăng trưởng không cao, FPT vẫn ghi nhận kết quả lợi nhuận mạnh mẽ trong Q2/2025, được thúc đẩy bởi đóng góp tích cực từ hai mảng Viễn thông và Đầu tư. Tổng lợi nhuận thuần Q2/2025 đạt 2.258 tỷ đồng, tăng 20,5% so với cùng kỳ (và 3,9% so với quý trước). Theo đó, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2025 đạt 4.432 tỷ đồng, tăng 20,7% so với cùng kỳ. KQKD này của FPT đã đạt 49% dự báo lợi nhuận thuần cả năm 2025 của HSC ở mức 9.051 tỷ đồng (tăng trưởng 15,2%). Xét theo mảng kinh doanh:

- Mạng **Công nghệ** chủ chốt của FPT ghi nhận LNTT tăng 9,3% so với cùng kỳ đạt 1.418 tỷ đồng trong Q2/2025.
- Ngược lại, mảng **Viễn thông** ghi nhận LNTT tăng mạnh 21% so với cùng kỳ đạt 1.129 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận được cải thiện, chủ yếu nhờ doanh thu bình quân trên mỗi người dùng gia tăng.
- Đối với mảng **Giáo dục & Đầu tư**, LNTT ghi nhận mức tăng mạnh 36,9% so với cùng kỳ đạt 594 tỷ đồng trong Q2/2025. Mức tăng trưởng này chủ yếu đến từ đóng góp tích cực của các công ty liên kết, bao gồm khoản cổ tức tăng gấp đôi từ TPB (FPT sở hữu 6,77% cổ phần) và KQKD cải thiện từ FRT (FPT sở hữu 46,53% cổ phần).

Tỷ suất LNTT của FPT trong Q2/2025 mở rộng lên mức 18,9%, so với 17,5% trong Q2/2024 và 18,8% trong Q1/2025. Tỷ suất lợi nhuận thuần cũng tăng lên 13,6%, so với 12,3% trong Q2/2024 và 13,5% trong Q1/2025. Xét theo mảng kinh doanh, Viễn thông và Đầu tư là hai động lực chính thúc đẩy sự cải thiện của tỷ suất lợi nhuận. Cụ thể, tỷ suất LNTT của hai mảng này đạt lần lượt 23,6% và 39,8% trong Q2/2025, tăng từ mức 22% và 30,8% trong Q2/2024 và

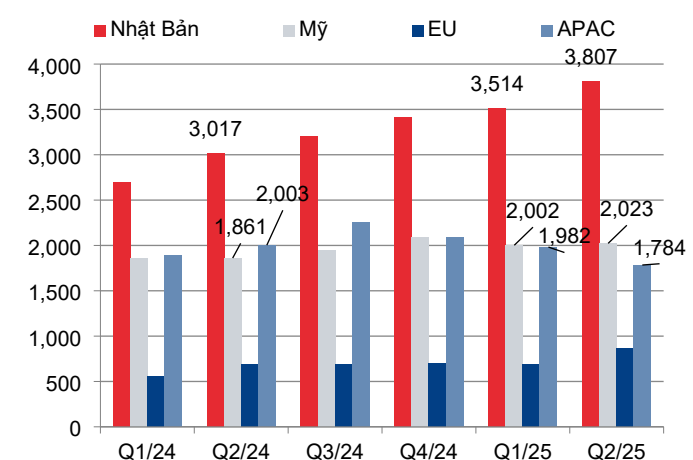
21,1% và 37,6% trong Q1/2025. Ngược lại, tỷ suất LNTT mảng Công nghệ đạt 13,7% trong Q2/2025, so với mức 13,5% trong Q2/2024 và 14,5% trong Q1/2025. Các đợt giảm giá phí dịch vụ gần đây trong phân khúc Dịch vụ CNTT nước ngoài đã bắt đầu ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận, dù tỷ giá JPY tăng 5% so với VND trong kỳ giúp hỗ trợ phần nào.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với FPT với giá mục tiêu 140.600đ (tiềm năng tăng giá 11%). Cổ phiếu hiện đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 21 lần, cao hơn bình quân 3 năm ở mức 19,5 lần. FPT cũng đang có P/E dự phóng năm 2025 và 2026 thấp hơn lần lượt 9% và 11% so với bình quân các công ty cùng ngành ở mức 24,8 lần và 22,9 lần.

Biểu đồ 2: Doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài theo thị trường (tỷ đồng), FPT

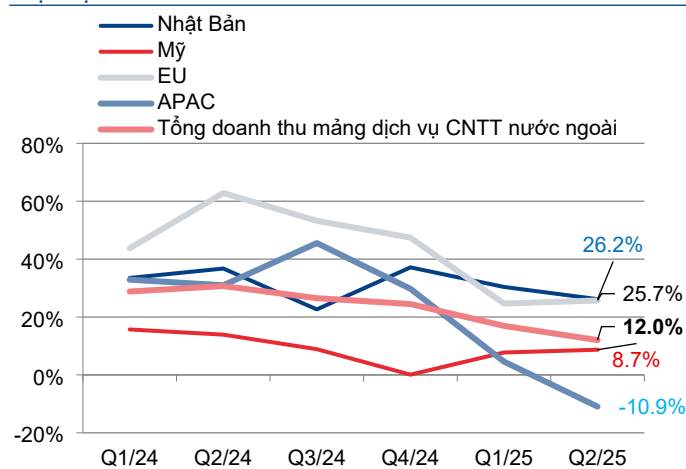
Doanh thu tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APAC) giảm 11% so với cùng kỳ trong Q2/2025...



Nguồn: FPT, HSC

Biểu đồ 3: Tăng trưởng mảng dịch vụ CNTT nước ngoài theo thị trường, FPT

...từ đó kéo doanh thu chung của mảng dịch vụ CNTT nước ngoài chậm lại



Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	52,618	62,849	71,099	81,696	94,082
Lợi nhuận gộp	20,320	23,698	26,965	31,021	35,548
Chi phí BH&QL	(11,868)	(13,190)	(15,299)	(17,547)	(20,186)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	8,452	10,508	11,666	13,474	15,362
Lãi vay thuần	618	124	631	653	872
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	42.3	393	540	695	873
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	91.3	44.6	50.4	58.0	66.7
LN TT	9,203	11,070	12,887	14,880	17,174
Chi phí thuế TNDN	(1,415)	(1,642)	(1,981)	(2,344)	(2,754)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,323)	(1,571)	(1,855)	(2,117)	(2,345)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,465	7,857	9,051	10,418	12,075
Lợi nhuận thuần ĐC	6,449	7,849	9,042	10,408	12,063
EBITDA ĐC	10,738	13,044	14,981	17,061	19,725
EPS (đồng)	4,661	4,917	5,621	6,470	7,500
EPS ĐC (đồng)	4,052	4,917	5,621	6,470	7,500
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500	2,500	3,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,267	1,471	1,481	1,481	1,481
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,481	1,481	1,481
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,481	1,481	1,481

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	8,279	9,315	14,214	17,252	22,908
Đầu tư ngắn hạn	16,104	21,785	26,142	31,371	37,645
Phải thu khách hàng	9,674	11,382	12,842	15,226	17,534
Hàng tồn kho	1,593	1,857	2,133	2,451	2,822
Các tài sản ngắn hạn khác	1,055	1,197	1,422	1,634	1,882
Tổng tài sản ngắn hạn	36,706	45,536	56,753	67,933	82,791
TSCĐ hữu hình	13,697	15,334	17,551	17,539	17,173
TSCĐ vô hình	1,257	2,040	2,009	1,928	1,782
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,227	1,037	1,179	1,308	1,443
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,108	2,281	2,395	2,515	2,641
Tài sản dài hạn khác	5,288	5,772	5,350	5,705	6,198
Tổng tài sản dài hạn	23,577	26,464	28,485	28,995	29,237
Tổng cộng tài sản	60,283	72,000	85,238	96,928	112,028
Nợ ngắn hạn	13,838	14,446	19,197	20,424	23,520
Phải trả người bán	2,603	4,424	4,996	5,740	6,610
Nợ ngắn hạn khác	11,176	13,105	14,637	16,818	19,368
Tổng nợ ngắn hạn	29,652	34,836	42,136	46,782	53,875
Nợ dài hạn	208	501	1,000	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	246	357	428	514	617
Nợ dài hạn khác	175	315	356	409	471
Tổng nợ dài hạn	629	1,173	1,784	1,923	2,088
Tổng nợ phải trả	30,350	36,272	43,920	48,705	55,963
Vốn chủ sở hữu	24,974	29,794	34,494	40,376	47,041
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,959	5,933	6,823	7,847	9,024
Tổng vốn chủ sở hữu	29,933	35,728	41,318	48,223	56,065
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,283	72,000	85,238	96,928	112,028
BVPS (đ)	19,665	20,253	23,286	27,256	31,756
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,767	5,632	5,983	4,172	1,613

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,452	10,508	11,666	13,474	15,362
Khấu hao	(2,287)	(2,535)	(3,315)	(3,587)	(4,363)
Lãi vay thuần	618	124	631	653	872
Thuế TNDN đã nộp	(1,415)	(1,642)	(1,981)	(2,344)	(2,754)
Thay đổi vốn lưu động	678	303	(918)	(1,456)	(1,224)
Khác	(1,102)	(125)	(981)	(1,394)	(1,490)
LCT thuần từ HĐKD	9,517	11,704	11,730	12,520	15,130
Đầu tư TS dài hạn	(3,978)	(3,275)	(5,897)	(3,977)	(4,439)
Góp vốn & đầu tư	(35,290)	(43,063)	(4,471)	(5,348)	(6,400)
Thanh lý	30,582	36,346	0	0	0
Khác	2,137	1,530	1,990	2,320	2,712
LCT thuần từ HĐĐT	(6,548)	(8,462)	(8,378)	(7,006)	(8,126)
Cổ tức trả cho CSH	(2,931)	(3,292)	(3,703)	(3,703)	(4,444)
Thu từ phát hành CP	73.1	163	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,719	933	5,249	1,227	3,096
Khác	(30.2)	(2.31)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,168)	(2,198)	1,546	(2,476)	(1,348)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	6,440	8,279	9,315	14,214	17,252
LCT thuần trong kỳ	1,800	1,044	4,899	3,038	5,656
Ảnh hưởng của tỷ giá	38.6	(7.92)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,279	9,315	14,214	17,252	22,908
Dòng tiền tự do	5,539	8,428	5,833	8,542	10,691

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	38.6	37.7	37.9	38.0	37.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.8	21.1	20.9	21.0
Tỷ suất LNT (%)	12.3	12.5	12.7	12.8	12.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.4	14.8	15.4	15.8	16.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.6	19.4	13.1	14.9	15.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	21.5	14.9	13.9	15.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	21.7	15.2	15.1	15.9
Tăng trưởng EPS (%)	5.24	5.47	14.3	15.1	15.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.2	21.3	14.3	15.1	15.9
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0	0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	42.9	40.7	44.5	38.6	40.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.1	28.7	28.2	27.8	27.6
ROACE (%)	29.3	31.0	29.1	28.9	28.4
Vòng quay tài sản (lần)	0.94	0.95	0.90	0.90	0.90
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.13	1.11	1.01	0.93	0.98
Số ngày tồn kho	18.0	17.3	17.6	17.7	17.6
Số ngày phải thu	109	106	106	110	109
Số ngày phải trả	29.4	41.2	41.3	41.3	41.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	25.5	20.8	19.4	12.4	5.43
Nợ/tài sản (%)	24.3	21.5	24.5	22.9	22.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.36	1.19	1.40	1.30	1.29
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.31	1.35	1.45	1.54
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.17	3.06	2.73	2.35	2.02
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.6	14.8	13.0	11.3	9.62
P/E (lần)	27.2	25.8	22.6	19.6	16.9
P/E ĐC (lần)	31.3	25.8	22.6	19.6	16.9
P/B (lần)	6.46	6.27	5.45	4.66	4.00
Lợi suất cổ tức (%)	1.57	1.57	1.97	1.97	2.36

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn